CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng từ khóa 2018)

Tên ngành: QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

TT	Mã học phần	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (tiết)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/thực tập/ BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 14 Tín chỉ (không tính học phần GDQP)							
Học phần bắt buộc			**14**				
1	226020	Pháp luật đại cương	2				
2	229100	Tin học	2				
3	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3				
4	226026	Quản trị học	2				
5	226159	Marketing dịch vụ	2				
6	226176	Tổng quan kinh doanh NH-KS	3				
7	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5				
Học kỳ 2: 18 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**16**				
8	224004/ 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3				
9	226126	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	2				
10	226119	Pháp luật du lịch	2				
11	226186	Tin học ứng dụng trong nhà hàng	2				
12	226118	Văn hóa ẩm thực	2				
13	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2				
14	223006	Chính trị 1	3				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
15.1	234002	Bóng chuyền 1	2				
15.2	234006	Bóng đá 1	2				
15.3	234007	Bóng rổ 1	2				
15.4	234008	Cầu lông 1	2				

15.5	234009	Aerobic 1	2				
Học phần tự chọn			**2**				
16.1	222017	Tiếng Việt thực hành B	2				
16.2	226036	Tâm lý học đại cương	2				
16.3	226017	Môi trường và con người	2				
Học kỳ 3: 17 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**13**				
17	224016/ 200003	Anh văn 3/Tiếng Nhật 3	3				
18	226187	Tâm lý du khách	2				
19	226188	Kỹ thuật phục vụ bàn	3				
20	223007	Chính trị 2	3				
21	226197	Quản trị tài chính NH-KS	2				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
22.1	234003	Bóng chuyền 2	2				
22.2	234010	Bóng đá 2	2				
22.3	234011	Bóng rổ 2	2				
22.4	234013	Cầu lông 2	2				
22.5	234014	Aerobic 2	2				
Học phần tự chọn (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau)			**2**				
23.1	226035	Soạn thảo văn bản	2				
23.2	222024	Xác suất thống kê	2				
Học phần tự chọn (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau)			**2**				
24.1	226028	Quản trị marketing	2				
24.2	226034	Quản trị thương hiệu	2				
24.3	226022	Quản trị chất lượng	2				
Học kỳ 4: 15 Tín chỉ (không tính học phần Kỹ năng mềm)							
Học phần bắt buộc			**13**				
25	226189	Kỹ thuật pha chế đồ uống	3				
26	226175/ 200005	Tiếng Anh chuyên ngành nhà hàng/Tiếng Nhật 4	3				
27	226166	Quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật NH-KS	2				

28	225066	Kế toán nhà hàng – khách sạn	2				
29	226129	Kỹ thuật chế biến món ăn	3				
30	222035	Kỹ năng mềm	2				
Học phần tự chọn			**2**				
31.1	226041	Tâm lý kinh doanh	2				
31.2	226031	Quản trị rủi ro	2				
31.3	226101	Đàm phán trong kinh doanh	2				
Học kỳ 5: 11 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**11**				
32	226139	Quản trị ẩm thực	3				
33	226169	Quản trị tổ chức sự kiện	3				
34	226153	Thực tập tốt nghiệp	5				
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ							
Học phần tự chọn							
35.1	226138	Khóa luận tốt nghiệp	5				
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp							
35.2	226167	Quản trị nhân sự	2				
35.3	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3				